

ĐẠI DỊCH COVID-19: CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC CHO GIÁO DỤC ĐẠI HỌC VIỆT NAM

Trần Thị Vân Hoa

Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Email: hoatv@neu.edu.vn

Phạm Thị Huyền

Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Email: huyenpt@neu.edu.vn

Nguyễn Quỳnh Hoa

Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Email: quynhhoa@neu.edu.vn

Ngày nhận: 03/4/2020

Ngày nhận bản sửa: 10/4/2020

Ngày duyệt đăng: 20/4/2020

Tóm tắt:

Đại dịch COVID-19 đã ảnh hưởng sâu rộng tới tất cả các quốc gia trên thế giới, mọi mặt của đời sống xã hội, trong đó có giáo dục. Gần 200 quốc gia đóng cửa các trường học, hơn 1.5 tỷ người học trên thế giới không được đến trường. Tại Việt Nam, hơn 1.7 triệu sinh viên không thể học tập trung trong bối cảnh giãn cách xã hội. Để người học có thể “dừng đến trường nhưng không dừng học”, các trường đại học Việt Nam đã và đang ứng phó với đại dịch theo nhiều cách khác nhau. Cuộc khảo sát nhanh trên Google doc. từ 9 - 11/4/2020, với mẫu nghiên cứu 826 phần tử là các cán bộ, giảng viên của các trường đại học Việt Nam, cho thấy dù gặp nhiều khó khăn, song các trường đã dần chủ động hơn trong việc vượt qua thách thức. Ở một góc nhìn tích cực, các trường đã và đang tìm cách khai thác cơ hội do sức ép từ Covid19, trở thành các trường đại học thông minh, tận dụng lợi thế của Cách mạng Công nghiệp 4.0 nhằm xóa khoảng cách không gian, không phụ thuộc vào thời gian thực và tiệm cận chất lượng giáo dục thế giới. Tất nhiên, còn nhiều việc phải làm, mà chủ thể thực hiện sẽ không chỉ là các cơ sở giáo dục đại học mà cần có sự vào cuộc của Bộ Giáo dục Đào tạo, Bộ Thông tin và Truyền thông cùng các bộ ngành khác. Sự đồng bộ hóa trong quy định, hướng dẫn, vận hành, quản lý và kiểm soát là những điều kiện không thể thiếu cho áp dụng giảng dạy trực tuyến, không chỉ ở giáo dục đại học mà cho cả ngành giáo dục nói chung.

Từ khóa: Thách thức, Covid-19, giáo dục đại học, cơ hội.

Mã JEL: I21, Z1, A22, Q52.

COVID-19 pandemic: how to turn challenges to opportunities for Vietnam higher education institutions in the new context

Abstract:

The COVID-19 pandemic has profoundly affected all countries in the world, to all aspects of social life including education. Nearly 200 countries around the world have temporarily closed educational institutions, leading to more than 1.5 billion learners all over the world being out of school. In Vietnam, more than 1.7 million students have been put into temporary 'home-schooling' situations in the context of social distance. To keep "the education going when the world has paused", Vietnamese universities have been coping with pandemics in different ways. The result of a quick survey on Google doc. from 9 to 11 April, 2020 with a sample of 826 responders who are lecturers of Vietnamese universities shows that despite many difficulties, the universities have become more and more proactive in overcoming challenges. At the same time, in a more positive perspective, the universities have taken advantage of opportunities presented by COVID 19 to become intelligent universities, application of technological achievements of industrial revolution 4.0 to erase spatial distance, independent of real-time and approach the quality of world education. There are still lots of works to be done, and stakeholders are not only higher education institutions but also the Ministry of Education and Training, the Ministry of Information and Communications, and other line ministries. The synchronization of regulations, guidelines, operations, management, and monitoring are necessary conditions to apply online education, not only to higher education but also to the education sector as a whole.

Keywords: Challenges, Covid-19, higher education, opportunities.

JEL Code: I21, Z1, A22, Q52.

1. Giới thiệu

Dịch viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của vi-rút Cô-rô-na (Covid-19) khởi phát tại Vũ Hán, Trung Quốc và có tốc độ lây lan chóng mặt, ảnh hưởng đến khắp các châu lục với số người mắc virut và số người tử vong tăng lên hàng ngày. Nền kinh tế thế giới trở nên tê liệt với ba tâm dịch lớn là Trung Quốc, Mỹ và châu Âu. Hầu như các quốc gia đều đóng cửa để chống dịch, chưa có bất kỳ một kịch bản ứng phó hữu hiệu và cũng chưa có bất kỳ nghiên cứu tổng thể nào đánh giá được ảnh hưởng của đại dịch này.

Ngày 11 tháng 3 năm 2020, Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) tuyên bố dịch Covid 19 là đại dịch toàn cầu, cho thấy nó có thể gây thiệt hại kinh tế gần bằng 5% tổng sản phẩm nội địa (GDP) toàn cầu, tương đương hơn 3 nghìn tỷ đô-la Mỹ (USD) (Theo World Bank - WB (2013), năm 2009, H1N1 có thể khiến GDP toàn cầu mất 0,5%). Trong báo cáo tháng 4 mới đây đã chỉ ra rằng trong trường hợp xấu nhất, GDP toàn cầu có thể giảm 0,9% vào năm 2020 thay vì tăng 2,5% (Liên Hợp Quốc - UN, 2020). Rất nhiều quốc gia đã phải ra quyết định giãn cách xã hội, thậm chí là cách ly xã hội ở những vùng tâm dịch nhằm hạn chế việc lây nhiễm theo cấp số nhân cùng những hậu quả khôn lường của dịch bệnh. Những tác động bất lợi của lệnh giãn cách kéo dài đối với các hoạt động kinh tế ở các nền kinh tế phát triển sớm lan sang các nước đang phát triển thông qua các kênh thương mại và đầu tư. Tiêu dùng giảm mạnh ở Liên minh châu Âu và Hoa Kỳ làm giảm xuất khẩu của các nước đang phát triển. Các ngành kinh doanh của thế giới có thể còn bị sụt giảm hơn do gián đoạn chuỗi cung ứng khi lệnh áp đặt các hạn chế đối với các hoạt động kinh tế kéo dài đến quý ba năm nay và nếu các phản ứng tài chính không hỗ trợ thu nhập và chi tiêu của người tiêu dùng.

Ở Châu Á - Thái Bình Dương, sự lây lan của Covid19 và sự biến động tài chính gia tăng khiến cho triển vọng tăng trưởng của khu vực năm 2020 giảm mạnh. Tăng trưởng năm 2020 ở các nước đang phát triển trong khu vực được dự báo sẽ giảm xuống còn 2,1% trong kịch bản cơ sở và xuống mức âm 0,5 trong kịch bản xấu, từ mức ước tính 5,8% vào năm 2019. Các con số này ở Trung Quốc được dự đoán lần lượt là 2,3% và 0,1%, trong khi tăng trưởng

của nước này năm 2019 đạt 6,1%. Tăng trưởng của các nước trong khu vực không bao gồm Trung Quốc được dự báo với các con số tương tự lần lượt là 1,3% và - 2,9 % (WB, 2020).

Đối Việt Nam, báo cáo “Đánh giá tác động của Covid19 đến nền kinh tế và các khuyến nghị chính sách” (Đại học Kinh tế Quốc dân, 2020) dự báo rằng GDP quý 2 năm nay chỉ tăng được khoảng 2% so với quý 2 năm 2019, xuất khẩu giảm khoảng 25%. Báo cáo cũng dự báo tác động của dịch COVID-19 đến một số lĩnh vực của nền kinh tế, đặc biệt du lịch khách sạn, giao thông vận tải và cả giáo dục.

Theo UNESCO (2020), tới ngày 10 tháng 4 năm 2020, Covid19 đã ảnh hưởng tới 1.576.615.423 người học trên toàn thế giới, chiếm 91,3% tổng số học sinh, sinh viên đang theo học. Đã có 191 quốc gia đóng cửa tất cả các trường học, trong đó có các cường quốc như Mỹ, Anh, Canada, Nga và Trung Quốc. Trong bối cảnh đó, giáo dục đại học cũng chịu ảnh hưởng tương tự.

Có thể thấy giáo dục đại học toàn cầu đã thay đổi đáng kể trong vài tháng qua do sự lây lan của Covid19. Đã một số nghiên cứu đề cập tới ảnh hưởng của đại dịch này đến giáo dục đại học. Nghiên cứu của Burgess & Sievertsen (2020) chỉ ra ảnh hưởng của Covid 19 tới hoạt động giáo dục ở các góc độ thiệt hại về kỹ năng lĩnh hội được thông qua hoạt động của nhà trường, thiệt hại dưới góc độ hoạt động đánh giá kết quả học tập không đảm bảo và thiệt hại đối với khả năng kiểm việc đối với sinh viên tốt nghiệp trong giai đoạn này. Tổ chức Quality Service - QS (2020), qua khảo sát trực tuyến hơn 11000 sinh viên trên toàn thế giới, đã chỉ ra ảnh hưởng của dịch Covid 19 tới sinh viên gồm việc phải thay đổi kế hoạch học tập đặc biệt là kế hoạch đi học ở nước ngoài do việc đóng cửa trường học, các kì thi bị hoãn thậm chí là hủy, kinh tế gia đình chịu thiệt hại sau dịch. Ảnh hưởng này cũng là kết luận từ nghiên cứu của tổ chức Art and Science khảo sát trên phạm vi toàn nước Mỹ (Barrington, 2020). Bên cạnh việc thay đổi kế hoạch học tập, việc các trường chuyển các khóa học sang đào tạo trực tuyến cũng làm thay đổi thói quen học tập của sinh viên, và phần đông sinh viên thích thú với các khóa học online. Kết quả nghiên cứu của QS qua khảo sát 400 giảng viên cũng chỉ ra các ứng phó của các trường đại học trong

bối cảnh dịch Covid 19 gồm chuyển đổi sang hình thức dạy - học trực tuyến, thay đổi kế hoạch năm học cũng như hình thức đánh giá và tuyển sinh. Ảnh hưởng của dịch Covid đến hoạt động của các trường cũng được nêu ra trong đánh giá, cụ thể là quy mô tuyển sinh của các nhà trường, các vấn đề liên quan đến hoạt động dạy - học trực tuyến. Các vấn đề liên quan đến hoạt động dạy - học trực tuyến cũng được đề cập đến trong các nghiên cứu của Wang & cộng sự (2020); Ameen & cộng sự (2020).

Dễ dàng nhận thấy, dù đã có các nghiên cứu ban đầu về ảnh hưởng của Covid19 tới giáo dục đại học, song các nghiên cứu đó chưa đề cập đến giáo dục đại học tại Việt Nam, khi các cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam cũng phải đóng cửa trong gần 3 tháng trở lại đây khiến hơn 1,7 triệu sinh viên chịu ảnh hưởng. Nghiên cứu đánh giá ảnh hưởng của dịch bệnh đến giáo dục đại học ở Việt Nam là cần thiết nhằm có những gợi ý xác đáng giúp các cơ sở giáo dục đại học có đối sách để tồn tại và phát triển lâu dài.

2. Bối cảnh và thực trạng ứng phó của các trường đại học Việt Nam

Đại dịch COVID-19 đã và đang ảnh hưởng tới cuộc sống của hơn 212 quốc gia và vùng lãnh thổ. Theo thống kê của trang Worldometer tính tới ngày 10 tháng 4 năm 2020, thế giới có 11.600.185 trường hợp nhiễm bệnh, trong đó số ca tử vong là 95.561 người. Cuộc khủng hoảng toàn cầu này đã khiến nhiều quốc gia đã gần như ngay lập tức quyết định đóng cửa, không thực hiện giảng dạy và học tập trung tại các trường học, cao đẳng và đại học.

Giống như các nước trên thế giới, dịch Covid19 ảnh hưởng sâu sắc tới giáo dục nói chung và giáo dục đại học ở Việt Nam nói riêng. Để ứng phó với tình hình diễn biến phức tạp của dịch bệnh, các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam đã chuyển dần từ thể bị động sang chủ động có kế hoạch học tập trong điều kiện phòng chống dịch để đảm bảo an toàn cho người học và cán bộ, giảng viên.

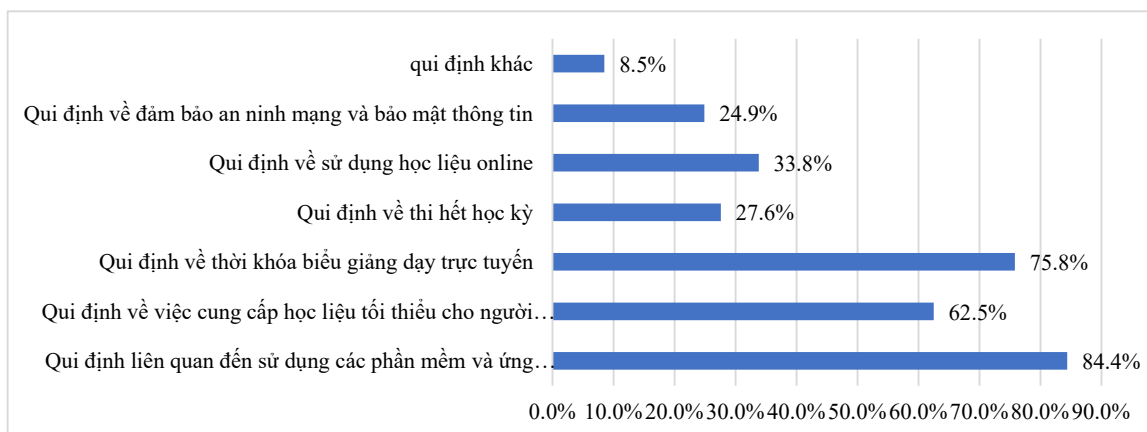
Khi thông tin về trường hợp nhiễm virus Corona đầu tiên tại Việt Nam được đưa ra là thời điểm chuẩn bị đón sinh viên quay trở lại trường sau kì nghỉ Tết nguyên đán. Phản ứng trong hai tuần đầu tiên của các trường là cho sinh viên tiếp tục nghỉ. Kết quả khảo sát của nhóm nghiên cứu tháng 4 năm 2020 với 826 giảng viên các trường đại học trong cả

nước, 93,1% giảng viên các trường đại học cho biết trường họ cho phép sinh viên không đến trong hai tuần đầu tiên. Trong đó có 52,7% trả lời là được nghỉ dạy và học hoàn toàn, 40,4% giảng viên khẳng định thời gian này, giảng viên được đào tạo về sử dụng phần mềm trong giảng dạy trực tuyến còn sinh viên tiếp tục được nghỉ học. Điều này cho thấy từ những ngày đầu xuất hiện dịch bệnh, có một số trường đại học Việt Nam dù bị động nhưng đã bắt đầu chuẩn bị các điều kiện về hạ tầng công nghệ thông tin và đào tạo giảng viên để tổ chức cung cấp các giải pháp cho dạy và học trực tuyến, đảm bảo tiến độ học tập học kỳ II năm học 2019-2020. Trong hai tuần đầu tiên đó, để hỗ trợ các trường ứng phó với dịch bệnh, Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành công văn 795/BGDĐT-GDDH ngày 13 tháng 3 năm 2020 về hướng dẫn triển khai phương thức đào tạo từ xa, đào tạo trực tuyến tại các cơ sở đào tạo trực thuộc Bộ.

Khi dịch bệnh tiếp tục có những diễn biến phức tạp, Bộ tiếp tục ban hành tiếp công văn 988/BGDĐT-GDDH ngày 23 tháng 3 năm 2020 nhằm thống nhất việc triển khai đào tạo trực tuyến và công nhận kết quả học tập tích lũy. Trong khi các trường lúng túng, thụ động, có các giải pháp thận trọng và thăm dò để ứng phó với dịch bệnh thì Bộ Giáo dục và Đào tạo đã kịp thời đưa ra được cơ sở pháp lý cho các cơ sở đào tạo chuyển sang hình thức đào tạo không tập trung. Điều này thể hiện vai trò chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong định hướng quyết định của các trường, nhất là trong bối cảnh khủng hoảng về sức khỏe liên quan đến dịch bệnh.

Kết quả khảo sát cho thấy các trường thuộc khối ngành đào tạo sức khỏe và an ninh quốc phòng chiếm tỷ lệ cao trong nhóm các trường vẫn tiếp tục cho sinh viên đi học tập trung (tỷ trọng lần lượt là 29,6% và 25% và tham gia vào lực lượng phòng chống dịch). Tính đến trước ngày 10 tháng 4, theo kết quả rà soát đánh giá từ Bộ giáo dục và Đào tạo, toàn hệ thống có 110/240 cơ sở giáo dục đại học (chiếm 45,83%) đã áp dụng phương thức đào tạo trực tuyến, trong đó có 63 trường công lập (42,3% các trường công lập), 42 trường ngoài công lập Việt Nam (70% các trường ngoài công lập) và 5 trường đại học nước ngoài tại Việt Nam. Hiện còn 104 trường chưa đào tạo trực tuyến, gồm 86 trường công lập (chiếm 57,7% trường công); 18 trường ngoài công lập (chiếm 30%). Toàn

Hình 1: Sự chuẩn bị quy định pháp lý của các trường cho đào tạo trực tuyến



bộ 26 trường khối Quốc phòng An ninh, do đặc điểm đào tạo và quản lý người học thi vẫn học tập trung mà không tổ chức đào tạo trực tuyến.

Về công tác quản lý quá trình dạy và học trực tuyến, ở các cơ sở giáo dục đại học có tổ chức học trực tuyến, việc tham gia giảng dạy và học tập được quy định là bắt buộc (94,2% kết quả khảo sát), trong đó 45,7% người trả lời cho rằng học trực tuyến có thể thay thế hoàn toàn học tập trung. Quy định bắt buộc hay không bắt buộc học trực tuyến có sự khác nhau giữa các trường đại học công lập và ngoài công lập.

Để triển khai hình thức đào tạo trực tuyến, phần lớn các trường đều tổ chức đào tạo/ hướng dẫn về kỹ thuật cho các đối tượng liên quan (giảng viên, sinh viên, cán bộ hỗ trợ và cán bộ quản lý). Tuy nhiên từ kết quả khảo sát cho thấy việc hướng dẫn kỹ thuật đối với phần lớn sinh viên chỉ mang tính chất ứng phó hoặc phải tự học để có thể tham gia được các lớp học trực tuyến (chiếm 70,6%), trong khi đó đối với đội ngũ của nhà trường (giảng viên, cán bộ hỗ trợ và cán bộ quản lý) thì phần lớn các trường đều tổ chức đào tạo và chuẩn bị về kỹ thuật để thích ứng với phương thức giảng dạy trực tuyến.

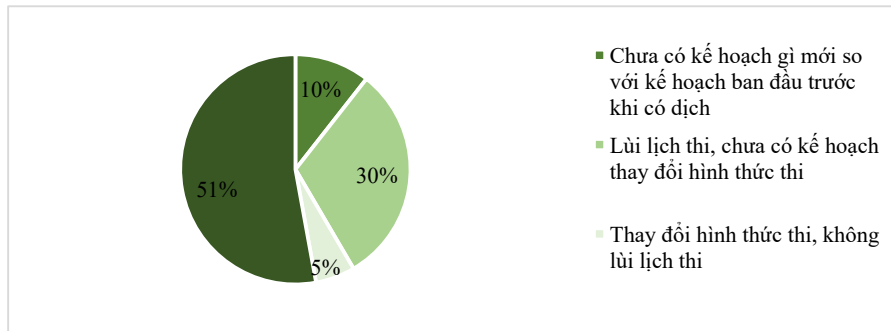
Các phần mềm được áp dụng trong giảng dạy trực tuyến ở các trường đại học vô cùng đa dạng, tùy vào sự chuẩn bị và điều kiện của từng trường, trong đó Microsoft Teams được các giáo viên sử dụng nhiều nhất (30,6% người sử dụng), tiếp theo là Zoom với 27,4% lựa chọn, Learning Management System (LMS) với 15% lựa chọn, Google Meeting có 9% sử dụng, Skype với 7,9% sử dụng và 3,4% lựa chọn

livestream qua facebook. Chỉ có 0,5% lựa chọn sử dụng phần mềm Viettel study và VNPT learning, còn lại là sử dụng các phần mềm khác như Google Classroom, Zalo, Trans, Hangout... hoặc phần mềm do trường tự viết. Việc chỉ có khoảng 1% sử dụng phần mềm có xuất xứ trong nước cho thấy khả năng nghiên cứu và triển khai công nghệ giáo dục trong nước còn nhiều hạn chế, thêm vào đó việc phụ thuộc vào công nghệ nước ngoài có thể dẫn tới những khó khăn trong quá trình triển khai do phụ thuộc cả vào đường truyền internet quốc tế, đồng thời cũng gặp khó khăn trong kiểm soát an ninh mạng.

Kết quả khảo sát thực trạng đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin của các trường cho thấy có 69,1% giảng viên sử dụng các phần mềm bản quyền do trường đầu tư, 23,8% giảng viên sử dụng phần mềm miễn phí, phần còn lại là nhà trường hỗ trợ tiền mua phần mềm hoặc giảng viên tự mua. 49,4% giảng viên các trường ngoài công lập sử dụng phần mềm do trường đầu tư nền tảng, 44,6% là sử dụng phần mềm miễn phí. Trong khi, có tới 80,9% giảng viên các trường công lập tự chủ hoàn toàn sử dụng phần mềm giảng dạy trực tuyến do trường đầu tư nền tảng, con số này của các trường công lập tự chủ một phần và công lập chưa tự chủ lần lượt là 61,8% và 69,1%. Tỷ lệ sử dụng phần mềm miễn phí trong số các trường công lập theo đó lần lượt là 12,7%, 28,5% và 24,3%. Việc vẫn còn một tỷ lệ tương đối lớn giảng viên sử dụng phần mềm miễn phí cũng cho thấy một rủi ro tiềm ẩn của vấn đề an ninh mạng.

Mặc dù việc giảng dạy trực tuyến mới được đưa vào triển khai để ứng phó với dịch bệnh Covid19,

Hình 2: Điều chỉnh Kế hoạch thi hết học kỳ



Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả.

nhưng đến nay, nhiều trường đã ban hành các quy định để định hướng và tạo hành lang pháp lý trong quản lý hình thức đào tạo này. Kết quả khảo sát cho thấy 84,4% ý kiến trả lời là trường đã ban hành các quy định liên quan đến sử dụng ứng dụng giảng dạy trực tuyến. Cụ thể đó là các quy định về thời khóa biểu giảng dạy trực tuyến (75,8% ý kiến), quy định về cung cấp học liệu tối thiểu (62,5% ý kiến), các quy định về đảm bảo an ninh mạng và bảo mật thông tin (24,8% ý kiến), các quy định về sử dụng học liệu online (33,8% ý kiến).

Có thể thấy các trường đại học Việt Nam đã dần chuyển từ thể bị động ứng phó ban đầu sang thích ứng chủ động. Nhiều trường đã tính đến kịch bản khi dịch bệnh kéo dài để không làm ảnh hưởng quá nhiều đến kế hoạch năm học cũng như đáp ứng yêu

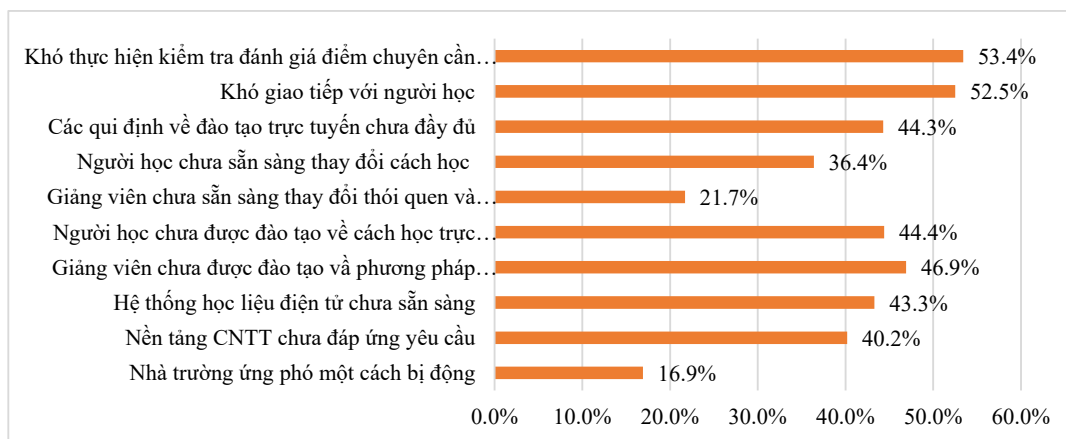
cầu của kiến thức các học phần.

Cụ thể, đến ngày 10 tháng 4 năm 2020, nhiều trường đã nghiên cứu các phương án thi online khi dịch kéo dài để đảm bảo tiến độ học tập của sinh viên. Kết quả khảo sát cho thấy 52% ý kiến trả lời nhà trường đã có kế hoạch điều chỉnh lịch thi và hình thức thi hết học phần. Chỉ có 5,3% ý kiến khẳng định nhà trường không lùi lịch thi mà chỉ điều chỉnh hình thức thi cho phù hợp với tình hình dịch bệnh. 32% ý kiến khẳng định nhà trường đã lùi lịch thi mà chưa có kế hoạch điều chỉnh hình thức thi. 10,3% ý kiến cho rằng nhà trường chưa có kế hoạch gì mới so với kế hoạch ban đầu.

3. Khó khăn và thách thức

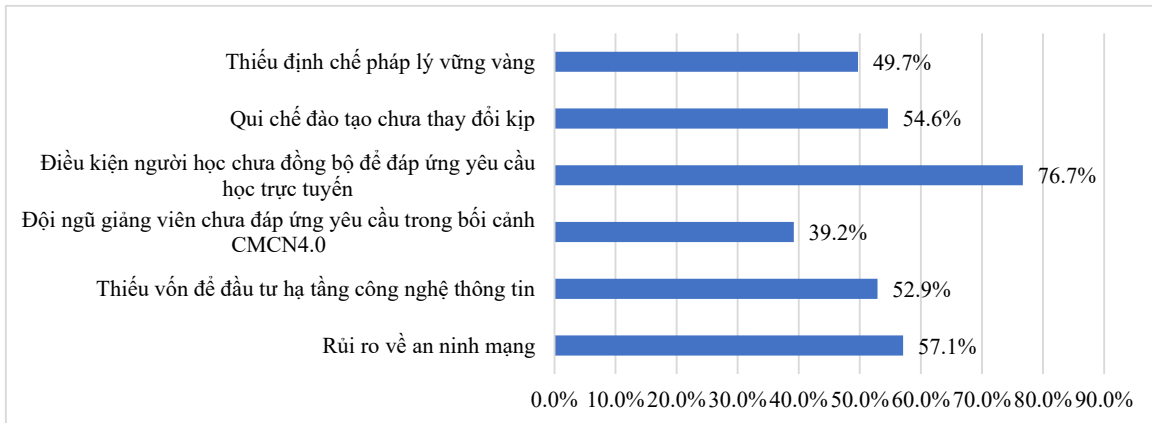
Trong đại dịch Covid19, cũng như nhiều ngành

Hình 3: Những khó khăn gặp phải khi triển khai giảng dạy trực tuyến



Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả.

Hình 4: Thách thức với các cơ sở giáo dục đại học khi triển khai đào tạo trực tuyến



Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả.

khác, giáo dục nói chung và các trường đại học Việt Nam nói riêng đã và đang phải đối mặt với nhiều khó khăn thách thức trong tổ chức triển khai hoạt động dạy và học, trong nghiên cứu khoa học, trong bảo đảm nguồn thu để trang trải các hoạt động hiện tại của trường cũng như duy trì hoạt động và phát triển sau đại dịch.

Đối với việc tổ chức giảng dạy, nhiều trường đã chuyển sang giảng dạy trực tuyến để tận dụng và phát huy các ưu điểm của hình thức này như chuyên tài liệu học tập, câu hỏi thảo luận, bài kiểm tra và bài giảng trên nền tảng trực tuyến đến với người học, giúp người học có thể dễ dàng truy cập vào bất kỳ thời gian nào, ở bất cứ đâu. Tuy nhiên, quá trình triển khai học trực tuyến cũng gặp không ít khó khăn do đòi hỏi người học và người giảng cần thay đổi các thói quen học tập, tính tự giác, ý thức đổi mới và tính chủ động thích ứng của từng cá nhân. Các vấn đề như cơ sở hạ tầng chưa đồng bộ; trang thiết bị chưa đầy đủ; thiếu học liệu phù hợp cho đào tạo trực tuyến; thiếu kinh nghiệm và quy trình quản lý phù hợp với đào tạo trực tuyến; sinh viên, giảng viên mới được bắt đầu tiếp cận về phương pháp; cách thức đào tạo, học theo hình thức trực tuyến, cần có thời gian thích ứng với công nghệ và phương pháp dạy học mới là những khó khăn cơ bản khi triển khai giảng dạy trực tuyến.

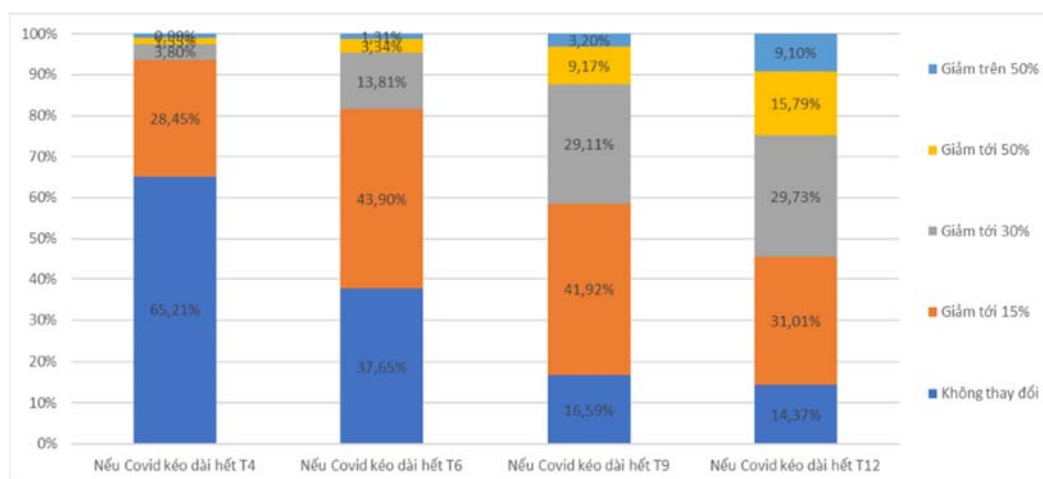
Khi thực hiện đào tạo trực tuyến, các trường đại học cũng phải đối mặt với thách thức từ phía sinh viên và hệ thống quản lý của trường. Đối với người

học, rào cản rất lớn chính là việc *thiếu thiết bị đầu cuối* (điện thoại di động thông minh, máy tính) và *hệ thống và đường truyền internet* ở các địa phương còn chưa đến được với mọi gia đình, cơ hội tiếp cận với internet, thậm chí với truyền hình là rất khác nhau giữa các gia đình, giữa những người học. Bên cạnh đó, dù có cả thiết bị đầu cuối và hệ thống internet như mong muốn, nhưng kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin chưa thành thạo cũng làm giảm hiệu quả của việc dạy và học trực tuyến. Kết quả khảo sát cho thấy 76,6% ý kiến cho rằng phương tiện học tập của người học chưa đồng bộ, nhiều sinh viên không có máy tính để học dẫn đến giảm chất lượng học tập.

Bên cạnh đó, vấn đề học liệu chuẩn, việc công bố học liệu rộng rãi trên một số ứng dụng miễn phí, không có bản quyền cũng đang đặt các cơ sở giáo dục và các nhà quản lý giáo dục trước các thách thức về pháp lý khi sử dụng học liệu cũng như bảo đảm quyền tác giả, giá trị thương hiệu của cá nhân giảng viên cũng như nhà trường và ngành giáo dục trong bối cảnh toàn cầu hóa và Cách mạng Công nghiệp 4.0 hiện nay. Ngoài ra, có 57,1% ý kiến cho rằng các trường phải đối mặt với thách thức về an ninh mạng và bảo đảm bản quyền.

Trong bối cảnh phải thực hiện đào tạo trực tuyến để ứng phó với dịch COVID-19, không ít giảng viên thực sự gặp phải các vấn đề về công nghệ thông tin. Ở một số trường đại học, một số giảng viên đã phải giao lại lớp cho Bộ môn và Bộ môn quản lý chuyên

Hình 5: Ảnh hưởng của Covid19 tới nguồn thu của nhà trường



Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả.

ngành phải sắp xếp giảng viên có khả năng sử dụng công nghệ tốt hơn thay thế. Tình trạng quá tải công việc của giảng viên có kỹ năng công nghệ thông tin tốt và cảm giác “bị bỏ rơi” của giảng viên không đáp ứng được yêu cầu ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy là vấn đề nhiều trường đại học đang gặp phải. Khảo sát cũng cho thấy 39,3% ý kiến cho rằng các trường phải đổi mới với thách thức do đội ngũ giảng viên chưa thích nghi với đào tạo trực tuyến. Tỷ lệ này chưa cao nhưng cũng đặt các nhà quản lý giáo dục nghĩ tới việc phải đào tạo và tái cấu trúc đội ngũ giảng viên.

Bên cạnh những khó khăn trong tổ chức đào tạo trực tuyến, các cơ sở giáo dục đại học còn phải đổi mới với những thách thức khác do đại dịch COVID-19 đem lại như nguy cơ mất sinh viên. Quy mô đào tạo giảm đồng nghĩa với giảm nguồn thu và phải tiến hành các biện pháp cắt giảm chi tiêu khi dịch bệnh càng kéo dài. Đặc biệt, hầu hết nguồn thu của các cơ sở giáo dục đại học phụ thuộc vào học phí. Việc sinh viên không đến trường cũng sẽ đồng nghĩa với việc nhà trường không có nguồn thu trong khi các hoạt động tổ chức, giảng dạy vẫn phải tiếp tục thực hiện theo hình thức trực tuyến nhằm duy trì hoạt động của nhà trường. Các trường ngoài công lập đang gặp phải khó khăn rất lớn để duy trì các hoạt động, để có thể chi trả một phần lương cho cán bộ, giảng viên. Có 52,9% ý kiến khảo sát cho rằng trường thiếu vốn để đầu tư hạ tầng công nghệ

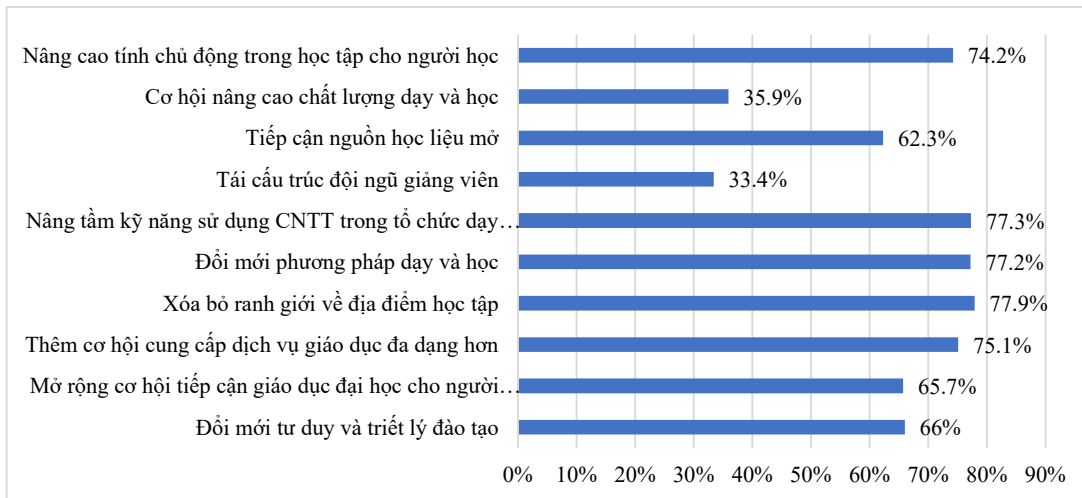
thông tin phù hợp để phát triển hình thức đào tạo trực tuyến.

Hình 5 cho thấy gần 35% ý kiến khảo sát cho rằng nguồn thu của trường có thể bị giảm trên 15% nếu dịch bệnh kéo dài đến hết tháng 4. Nếu dịch bệnh kéo dài đến tháng 6 thì con số này đã lên tới gần 63% và thậm chí có trên 18% ý kiến cho rằng nguồn thu của trường có thể giảm từ 15% - 30%. Điều này sẽ buộc các trường phải tính đến các giải pháp tiết kiệm và giảm chi phí trong đó có chi phí đầu tư công nghệ thông tin, giảm lương người lao động.

4. Cơ hội đối với giáo dục đại học

Bên cạnh các khó khăn thách thức hiện hữu và lâu dài như đã phân tích trên đây, đại dịch Covid19 cũng đem lại không ít cơ hội cho các trường đại học Việt Nam. Cơ hội lớn nhất mà nhà trường có được là đẩy nhanh quá trình ứng dụng công nghệ thông tin trong mọi hoạt động của nhà trường như giảng dạy, nghiên cứu khoa học, số hóa học liệu và thông tin quản lý để tiến tới xây dựng trường đại học thông minh. Nhiều cơ sở giáo dục đại học xác định đây là cơ hội thúc đẩy số hóa học liệu để tất cả giảng viên, sinh viên và cán bộ quản lý khai thác được các yếu tố tích cực trong việc ứng dụng công nghệ thông tin vào các hoạt động quản lý, giảng dạy và học tập; linh hoạt được thời gian, không gian cho việc dạy và học mọi lúc, mọi nơi. 75,1% giảng viên được khảo sát khẳng định các trường có nhiều cơ hội đa dạng hóa các dịch vụ giáo dục đại học hơn. 66% ý kiến

Hình 6: Nhận dạng cơ hội cho giáo dục đại học từ dịch Covid19



Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả.

cho rằng đại dịch Covid19 cũng cho các nhà quản lý, các trường đại học có cơ hội đổi mới tư duy, triết lý đào tạo đại học. 35,9% ý kiến khảo sát khẳng định đại dịch cũng là cơ hội để các cơ quan quản lý giáo dục, các trường đại học hoàn thiện quy chế đào tạo đáp ứng yêu cầu của Cách mạng Công nghiệp 4.0 và nâng cao chất lượng dạy và học. Đặc biệt, 33,4% ý kiến cho rằng đây là cơ hội tốt để các trường tái cấu trúc đội ngũ giảng viên và đưa ra các tiêu chuẩn phù hợp hơn khi chọn lọc giảng viên đáp ứng yêu cầu của thời đại, đặc biệt là tiêu chuẩn về ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy.

Bên cạnh đó, việc sinh viên và giảng viên không được học tập trung mà nhiều giảng viên các trường đại học đã học và áp dụng được một phương pháp đào tạo mới có ứng dụng công nghệ thông tin để làm bài giảng sinh động hơn, tương tác với sinh viên đa chiều hơn, xóa nhòa khoảng cách không gian. 77,9% giảng viên được khảo sát khẳng định đại dịch COVID đã đem lại cơ hội xóa bỏ ranh giới về địa điểm học tập. 77,2% giảng viên khẳng định cơ hội đổi mới phương pháp dạy và học. 77,3% giảng viên khẳng định họ có cơ hội nâng tầm kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin trong tổ chức giảng dạy đại học cho hệ chính quy.

Với người học, đại dịch Covid-19 cũng đem lại cơ hội nâng cao tính chủ động trong học tập. Điều này được 74,2% người tham gia gia khảo sát ủng hộ.

62,3% ý kiến cho rằng cả người học và người dạy có cơ hội tiếp cận nguồn học liệu mở lớn hơn khi mà nhiều tổ chức, nhiều thư viện và các trường đại học áp dụng việc cung cấp học liệu miễn phí cho sinh viên. 65,7% ý kiến cho rằng người học có nhiều cơ hội tiếp cận giáo dục đại học hơn trong tương lai nếu việc ứng dụng giảng dạy trực tuyến ngày càng được hoàn thiện và tiếp tục rộng rãi áp dụng sau khi đại dịch kết thúc ở các trường đại học.

Ngoài ra, các giảng viên còn khẳng định rằng đại dịch COVID-19 là cơ hội để các trường khẳng định năng lực đổi mới của trường, đặc biệt là trong các tình huống bất thường cần chuẩn bị nhiều phương án; cơ hội nhận ra yếu kém của trường, cơ hội nâng cao ý thức tự học của sinh viên và học viên, cơ hội khẳng định vai trò của công nghệ thông tin trong giáo dục đại học. Tùy vào các ngành đào tạo khác nhau, các cơ hội này sẽ được các trường nắm bắt và phát huy theo năng lực của mình vì có những ngành có ứng dụng đào tạo trực tuyến được.

5. Khuyến nghị giải pháp và chính sách nắm bắt cơ hội và vượt qua khó khăn để phát triển sau đại dịch Covid19

Có thể nói, đại dịch Covid19 không chỉ đem lại những khó khăn cho giáo dục đại học mà còn đem đến những cơ hội vàng để các cơ sở giáo dục đại học khẳng định năng lực đổi mới và phát triển mạnh hơn trong thời đại Cách mạng Công nghiệp 4.0 và

toàn cầu hóa. Để có thể tận dụng được cơ hội phát triển và vượt qua được các khó khăn do đại dịch Covid19 đem lại, cần thực hiện đồng bộ nhiều nhóm giải pháp trước mắt và lâu dài.

5.1. Các giải pháp chung

Để tận dụng được cơ hội, ngành giáo dục, đầu tiên là các nhà quản lý giáo dục, lãnh đạo các cơ sở giáo dục phải nhìn ra được các cơ hội đó. Chấp nhận thử thách, dám thử những điều mới mẻ là những gì cần có để nhận ra cơ hội ấy. Song, cũng cần thận trọng bởi giáo dục luôn có ảnh hưởng sâu và rộng. Chúng ta cũng cần cân nhắc thật kỹ khi lựa chọn một cơ hội nào đó để theo đuổi. Và để thực hiện, cần huy động sức mạnh tập thể để nhìn nhận vấn đề ở các góc nhìn khác nhau, các khía cạnh khác nhau là cách chúng ta lựa chọn phương án tốt nhất.

Thứ hai, cần có nhận thức đúng đắn về vai trò của giảng dạy trực tuyến trong giáo dục đại học. Trước đây, đào tạo trực tuyến thường được áp dụng với đào tạo từ xa khiến cho nhiều người hiểu chưa đúng về vai trò của đào tạo trực tuyến như một công cụ giảng dạy giúp xóa bỏ các rào cản về không gian và thời điểm đào tạo. Khi thiếu những quy định liên quan đến đào tạo trực tuyến như học liệu online, phần mềm ứng dụng trong đào tạo trực tuyến, thi/kiểm tra và công nhận kết quả đào tạo trực tuyến đối với các chương trình đào tạo chính quy, cơ hội đa dạng hóa phương pháp đào tạo và mở rộng cơ hội tiếp cận với các nguồn học liệu mở, tiện lợi cho người học cũng sẽ giảm. Nếu ứng dụng tốt công cụ này, có thể đem lại những lợi ích quan trọng cho quá trình đào tạo đại học không chỉ đối với chương trình đào tạo từ xa mà đối với tất cả các chương trình đào tạo chính quy, tiên tiến, chất lượng cao. Điều này hoàn toàn phù hợp với xu thế đào tạo nguồn nhân lực tương lai có kiến thức và kỹ năng đáp ứng yêu cầu lao động ở thời đại Cách mạng Công nghiệp 4.0. Các trường, các nhà quản lý giáo dục phải nhận thức đúng cơ hội này để đổi mới và có chiến lược phát triển trong tương lai.

Thứ ba, cần đổi mới tư duy và cách tiếp cận giáo dục đại học theo hướng xây dựng ý thức tự học, chủ động học tập cho người học. Chỉ khi người học chủ động và có ý thức tự học tốt thì dù trong hoàn cảnh nào, người học cũng có thể tìm các giải pháp phù hợp nhất để vượt qua khó khăn và

tiếp cận tri thức, rèn luyện kỹ năng trong quá trình học tập ở các cơ sở giáo dục đại học. Đây cũng là tư chất vô cùng cần thiết trong thời đại Cách mạng Công nghiệp 4.0, tăng tính chủ động cho các trường đại học nhiều hơn để chủ động thích nghi với sự thay đổi rất nhanh của môi trường. Tư duy giáo dục mới phải gắn liền với đổi mới không ngừng để đáp ứng các đòi hỏi của người học và đặc biệt là các yêu cầu của thị trường lao động.

5.2. Các giải pháp từ phía Bộ Giáo dục và Đào tạo và các bộ/ngành có liên quan

Thứ nhất, Bộ Giáo dục và Đào tạo cần sớm đề xuất Chính phủ xây dựng chiến lược phát triển giáo dục đào tạo đại học một cách toàn diện, trong đó làm rõ mô hình trường đại học thông minh. Xây dựng khung chuẩn cho việc phát triển các trường đại học thông minh để các trường định hướng rõ ràng mục tiêu và con đường phấn đấu của mình, tránh việc gọi tên đại học thông minh cho hợp xu hướng như trước đây dùng thuật ngữ “trường đại học định hướng nghiên cứu”.

Thứ hai, xây dựng và hoàn thiện quy chế đào tạo đại học, trong đó làm rõ các quy định về việc áp dụng phương pháp đào tạo blended learning (có sự kết hợp chặt chẽ giữa đào tạo trực tiếp và đào tạo trực tuyến) nhằm phát huy tối đa lợi thế của các công cụ đào tạo. Hiện nay, căn cứ pháp lý và các quy định cho việc áp dụng phương pháp này còn thiếu dẫn đến các trường lo ngại khi sử dụng phương pháp đào tạo này cho hệ đào tạo chính quy. Đặc biệt, cần làm rõ các quy định về đảm bảo chất lượng, hình thức thi, đánh giá kết quả học tập trong đào tạo trực tuyến, quy định về học liệu số và bản quyền tác giả trong học liệu số, quy định về bảo đảm an ninh mạng khi triển khai các hình thức đào tạo trực tuyến...

Thứ ba, cần đánh giá hiệu quả đầu tư xây dựng mô hình đào tạo trực tuyến trong thời gian vừa qua ở một số trường đại học để xây dựng chiến lược đầu tư có hiệu quả hơn cho các trường trong việc phát triển nền tảng công nghệ thông tin phục vụ đào tạo trực tuyến. Có thể hình thành quỹ đầu tư phát triển nền tảng công nghệ thông tin phục vụ đào tạo và quản lý trực tuyến để hỗ trợ các trường phát triển hình thức đào tạo này đảm bảo công khai, minh bạch.

Thứ tư, về vấn đề quản lý quá trình đào tạo, đảm bảo động lực cũng như tính pháp lý của các hoạt

động dạy và học trực tuyến hiện nay, Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Thông tin và Truyền thông và Bộ Khoa học và Công nghệ cần xem đây chính là cơ hội và là sức ép để nhanh chóng số hoá nền giáo dục cũng như giảm chi phí không cần thiết và tăng sự đồng đều về chất lượng, cũng là cách góp phần chống các dịch bệnh khi phát tác. Khi các hoạt động kinh tế – xã hội bị ngưng trệ theo cách truyền thống, là cơ hội để sáng tạo những cách vận hành mới để cuộc sống tiếp diễn, học tập, làm việc, giải trí. Và trong chiến lược chuyển đổi số quốc gia, ngành giáo dục – đào tạo luôn được ưu tiên số một. «Một quốc gia chuyển đổi số thành công thì đầu tiên phải thành công trong chuyển đổi số giáo dục và đào tạo. Chính ngành này chuẩn bị lực lượng công dân và nhân lực có kỹ năng số» – như lời Bộ trưởng Bộ Thông tin và truyền thông khẳng định. Bộ Giáo dục và Đào tạo cần tổ chức hội nghị trực tuyến để chia sẻ kinh nghiệm tổ chức triển khai, quản lý đào tạo trực tuyến cho các hệ đào tạo ở các trường để tạo cơ hội cho các trường học hỏi kinh nghiệm và triển khai có hiệu quả trong thời gian tới

5.3. Các giải pháp từ phía các trường đại học

Thứ nhất, các cơ sở giáo dục đại học cần tìm ra phương án và lựa chọn cho mình một nền tảng số phục vụ cho việc dạy và học trực tuyến, đầu tư sử dụng thống nhất trong toàn trường phần mềm bản quyền để đảm bảo các vấn đề bảo mật thông tin và an ninh mạng. Một nền tảng số được quản lý tốt sẽ cho phép nhà trường bảo vệ được bản quyền thương hiệu, kiểm soát tốt hơn quá trình dạy - học và đánh giá quá trình giảng dạy và học tập của sinh viên.

Thứ hai, cần nhanh chóng triển khai các phương án số hóa toàn bộ cơ sở dữ liệu giảng dạy phục vụ giảng dạy và học tập, xây dựng hệ thống học liệu số. Các nhà xuất bản, các nhà trường cũng cần tìm ra giải pháp khả thi nhất để đảm bảo tính pháp lý và bản quyền thương hiệu cho hệ thống học liệu được sử dụng trong quá trình giảng dạy và học tập trực tuyến hiện nay.

Thứ ba, cần xây dựng và hoàn thiện hệ thống các quy định về đào tạo trực tuyến, sử dụng học liệu số, sử dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy để đảm bảo tính pháp lý và bản quyền tác giả của các học liệu và tài nguyên số. Cần đưa ra giải pháp khả thi để có thể tiến hành kiểm tra, đánh giá và công nhận kết

quả học tập, kiểm tra và thi trực tuyến đảm bảo yêu cầu của kiểm định chất lượng giáo dục, hướng tới chuẩn đầu ra đã đăng ký và phù hợp với bậc 6 trong khung trình độ quốc gia vừa được Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn.

Thứ tư, cần quy định các điều kiện chuẩn đối với giảng viên đặc biệt là điều kiện về kỹ năng công nghệ thông tin và tiếng Anh và có chính sách hỗ trợ và đào tạo giảng viên để nâng cao kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng công nghệ thông tin và phương pháp giảng dạy trực tuyến. Động viên, khuyến khích để giảng viên có thể đồng tâm, đồng lòng vượt qua những khó khăn và sẵn sàng đổi mới cùng nhà trường xây dựng môi trường giáo dục đại học thông minh, hiện đại.

Thứ năm, cần nghiên cứu các chính sách hỗ trợ sinh viên để có đủ điều kiện tham gia học trực tuyến, tiếp cận với các nguồn học liệu mở để học tập trực tuyến tốt hơn. Mỗi trường, tùy và điều kiện và đặc điểm của trường có thể lựa chọn những gói và cách thức hỗ trợ khác nhau để đến với sinh viên và bảo đảm quyền lợi được học tập của sinh viên.

Như vậy, có thể nói đại dịch Covid19 đã và đang gây ra những khó khăn, thách thức trong quá trình tổ chức giảng dạy và triển khai các hoạt động ở các cơ sở giáo dục đại học. Tuy nhiên, cần khẳng định rằng đại dịch cũng đã đem lại nhiều cơ hội phát triển và đổi mới cho các cơ sở giáo dục đại học nói riêng cũng như cho giáo dục đại học Việt Nam nói chung. Mỗi trường, tùy vào các điều kiện cụ thể của mình cần chọn những giải pháp tối ưu nhất để vượt qua khủng hoảng do đại dịch gây ra và tận dụng tốt nhất các cơ hội để đổi mới và phát triển. Trong quá trình đó, Bộ Giáo dục và Đào tạo cần phải hỗ trợ và đóng vai trò “bà đỡ” để các trường phát triển, đặc biệt trên khía cạnh tạo hành lang pháp lý vững chắc cho các trường trong quá trình đổi mới trên cơ sở phát huy tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các trường. Với tinh thần đó, chúng tôi tin tưởng giáo dục đại học Việt Nam sẽ đổi mới và phát triển vững mạnh trong tương lai, hoàn thành tốt sứ mạng cung cấp nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của toàn cầu hóa và Cách mạng Công nghiệp 4.0.

Tài liệu tham khảo

- Ameen, A.K., Shuriah, N. & Shadi, K.S. (2020), 'Universities unprepared for switch to remote learning', *University World News*, retrieved on April 10th 2020, from <<https://www.universityworldnews.com/post.php?story=20200326141547229>>
- Barrington, K. (2020), *The Impact of COVID-19 on Higher Education*, retrieved on April 10th 2020, from <<https://www.communitycollegereview.com/blog/the-impact-of-covid-19-on-higher-education>>.
- Burgess, S. & Sievertsen, H.H. (2020), *Schools, skills, and learning: The impact of COVID-19 on education*, retrieved on April 10th 2020, from <<https://voxeu.org/article/impact-covid-19-education>>.
- Đại học Kinh tế Quốc dân (2020), *Báo cáo đánh giá tác động của Covid 19 đến nền kinh tế và các khuyến nghị chính sách*, retrieved on April 10th 2020, from <<https://neu.edu.vn/vi/ban-tin-neu/truong-dai-hoc-kinh-te-quoc-dan-cong-bo-bao-cao-danh-gia-tac-dong-cua-covid-19-den-nen-kinh-te-va-cac-khuyen-nghi-chinh-sach-2116>>.
- Quality Service (2020), *The impact of the coronavirus on global higher education*, retrieved on April 10th 2020, from <<https://www.qs.com/contact/>>.
- UN (2020), *The April Monthly Briefing of the World Economic Situation and Prospects*, retrieved on April 10th 2020, from <<https://www.un.org/development/desa/dpad/publication/world-economic-situation-and-prospects-april-2020-briefing-no-136/>>.
- Unesco (2020), *COVID-19 Educational Disruption and Response*, retrieved on April 10th 2020, from <<https://en.unesco.org/covid19/educationresponse/>>.
- Wang, C., Cheng, Z., Yue, X.G. & McAleer, M. (2020), *Risk Management of COVID-19 by Universities in China*, *Journal of Risk and Financial Management*, retrieved on April 10th 2020, from <https://www.researchgate.net/publication/339378330_Risk_Management_of_COVID-19_by_Universities_in_China>.
- World Bank (2013), *Pandemic risk, Background paper to the World Development Report 2014 on Risk and Opportunity: Managing Risks for Development*, Washington, DC: World Bank.
- World Bank (2020), *World Bank East Asia and Pacific Economic Update, April 2020: East Asia and Pacific in the Time of COVID-19*, Washington, DC: World Bank, Washington, DC: World Bank, from <<https://openknowledge.worldbank.org/handle/10986/33477> License: CC BY 3.0 IGO.>.